

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/11/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Hùng Minh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đức Chung.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2021/QĐST - HNGĐ ngày 07/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04/8/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa 274/2021/TB-TA ngày 26/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Tiến T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 625, tổ 5, ấp 1, xã CD, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Tống Thị Thu G, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số 625, tổ 5, ấp 1, xã CD, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(anh T, chị G có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Phan Tiến T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị G xây dựng gia đình vào năm 2015, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã CD, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay, anh và chị G bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn giữa anh và chị G là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Khi phát sinh mâu thuẫn, chị G dẫn các con về nhà cha, mẹ ruột chị G để sinh sống, nhiều lần anh đến gặp khuyên chị G quay về đoàn tụ nhưng chị G không đồng ý.

Anh và chị G đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G không còn, anh tiếp tục yêu cầu ly hôn với chị G.

- Về con chung: Có 02 cháu.

Cháu Phan Đăng K, sinh ngày 31/01/2016.

Cháu Phan Tổng An C, sinh ngày 28/4/2019.

Thời gian qua chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phụ giúp chị G nuôi con, vì gia đình chị G không cho anh gặp các con. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, anh để chị G nuôi dưỡng cháu C, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cho chị G mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu), anh nuôi con không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập của anh gần 5.000.000đồng (năm triệu) mỗi tháng, cộng với anh dạy kèm gia sư mỗi tháng thu nhập từ 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng. Hiện tại anh sống ở nhà công vụ Trường tiểu học CD do anh là giáo viên. Bên ngoài, anh không có nhà riêng, trong CD anh không có người thân.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ghi ngày 13/4/2021 và trong quá trình xét xử bị đơn chị Tổng Thị Thu G có ý kiến đề nghị đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã CD, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Khi kết hôn cả hai đều tự nguyện.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh T là do anh T không phụ giúp gì cho gia đình vợ, con, anh T thường xuyên uống rượu, khi có uống rượu anh T về kiếm chuyện với gia đình, hàng tháng chi phí cho các con ăn học do một mình chị tự lo, anh T không hỗ trợ bất cứ khoản tiền nào.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn. Anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: có 02 cháu.

Cháu Phan Đăng K, sinh ngày 31/01/2016.

Cháu Phan Tổng An C, sinh ngày 28/4/2019.

Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và cháu C, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu). Hiện tại thu nhập của chị 7.000.000đồng (bảy triệu)/tháng, hiện tại chị chung sống tại nhà cha, mẹ ruột của chị tại tổ 5, ấp 1, xã CD. Anh T đã không phụ giúp lo cho gia đình, không phụ giúp nuôi con từ đầu năm 2020 đến nay và trước đó trong quá trình chung sống anh T cũng không phụ giúp nhiều để nuôi con, toàn bộ do chị tự lo.

Về điều kiện chăm sóc các cháu hiện tại chị được sự hỗ trợ của cha và mẹ ruột. Ngoài ra, còn có anh, chị em của chị hỗ trợ khi chị đi làm ca ngày, trường hợp chị làm ca đêm ban ngày chị sẽ chăm sóc các cháu bình thường. Hiện tại cháu K đang học tại trường mẫu giáo xã CD, cháu C còn nhỏ chưa đến trường.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất, không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Tiến T yêu cầu ly hôn chị Tống Thị Thu G, chị G đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 cháu:

Cháu Phan Đăng K, sinh ngày 31/01/2016.

Cháu Phan Tống An C, sinh ngày 28/4/2019.

Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, anh để chị G nuôi dưỡng cháu C, anh cấp dưỡng nuôi con cho chị G mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu), anh nuôi con không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Chị G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và cháu C, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu).

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung, nợ chung các đương sự đều trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị G đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh T yêu cầu ly hôn, chị G đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị G.

Con chung: có 02 cháu.

Cháu Phan Đăng K, sinh ngày 31/01/2016.

Cháu Phan Tống An C, sinh ngày 28/4/2019.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu C cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Bởi vì, điều kiện nuôi con của chị G tốt hơn của anh T, trong thời gian ly thân anh T cũng không phụ giúp gì cho chị G để nuôi dưỡng cháu K và cháu C.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa Phan Tiến T và chị Tống Thị Thu G là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị G xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã CĐ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2015 ngày 21/01/2015, khi kết hôn cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống anh T và chị G đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ngày 27/5/2021, địa phương cung cấp giữa anh T và chị G đã phát sinh mâu thuẫn được khoảng 01 năm nay, hiện anh T và chị G đã sống ly thân. Anh T xin ly hôn chị G đồng ý nên tuyên xử cho anh T và chị G được ly hôn.

[3]. Về con chung:

Cháu Phan Đăng K, sinh ngày 31/01/2016.

Cháu Phan Tống An C, sinh ngày 28/4/2019.

Hiện chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu C. Anh T và chị G đều tranh chấp nuôi con, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K, anh T đề chị G nuôi dưỡng cháu C, anh cấp dưỡng cho chị G nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu), anh nuôi cháu K không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Chị G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và cháu C, chị G yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu).

Xét về điều kiện nuôi con của anh T và chị G:

Các cháu K và cháu C hiện do chị G trực tiếp nuôi dưỡng, trong quá trình chị G nuôi con anh T thừa nhận không hỗ trợ kinh tế phụ giúp chị G nuôi dưỡng các cháu. Hiện tại anh T không có nơi sinh sống cố định (ở nhà công vụ của Trường tiểu học CĐ), chị G có hiện sinh sống với gia đình cha, mẹ được sự hỗ trợ trong việc chăm sóc các cháu từ người thân trong gia đình. Về thu nhập, anh T và chị G đều có thu nhập ổn định thể hiện qua các bảng lương do anh T và chị G cung cấp.

Qua xác minh chính quyền địa phương ngày 27/5/2021, địa phương cung cấp: Cháu K và cháu C hiện chị G đang nuôi dưỡng, các cháu ở cùng ông, bà ngoại, điều kiện chỗ ở ổn định, chị G, ông, bà các cháu chăm sóc tốt các cháu từ trước đến nay. Các cháu phát triển tốt về sức khỏe, tâm lý. Đề nghị Tòa án giao cháu K và cháu C cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên, xét về tính ổn định cho sự phát triển toàn diện của các cháu về sức khỏe, tâm lý, môi trường vui chơi và học tập, cần giao cháu K và cháu C cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng sẽ tốt hơn so với anh T. Chị G có

yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu). Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị G là có cơ sở đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ vào mức thu thập của anh T mỗi tháng từ 6.000.000đồng (sáu triệu) đến 7.000.000đồng (bảy triệu), để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt cho bản thân anh T, nhu cầu chi phí để các cháu ăn, học mỗi tháng. Nên cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị G mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu).

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự đều trình bày không có nên không xem xét.

[5]. Nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của anh Phan Tiến T, xử cho anh T được ly hôn với chị Tống Thị Thu G.

Về con chung: Chị G được quyền nuôi dưỡng cháu Phan Đăng K, sinh ngày 31/01/2016 và cháu Phan Tổng An C, sinh ngày 28/4/2019. Anh T cấp dưỡng nuôi cháu K, cháu C cho chị G mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng, việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh T được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn), theo biên lai số 0005416 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh T còn phải chịu 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn anh T, bị đơn chị G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- THA DS H. Long Thành;
- UBND xã CĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hùng Minh Sang